

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152/2018/DS-ST

Ngày: 20 - 7 - 2018

“Về việc tranh chấp nợ hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Võ Tấn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp nợ hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 137/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thu Tr, sinh năm 1967 (Có mặt)

Cư trú: ấp Thị Tường A, xã Hưng Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1. Ông Lê Văn D, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

2. Bà Lưu Thu Th, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp Kinh Lách, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2018 và các lời trình bày tại Tòa án, nguyên đơn bà Lưu Thu Tr trình bày như sau:

Bà Tr có mở dây hui như sau: Ngày 06/12/2013al bà Tr có mở hui 4.000.000 đồng/tháng, hui gồm 31 chung, ông D và bà Th tham gia 01 chung. Ông D và bà Th

đóng đến ngày 06/5/2014 thì ông D, bà Th hốt được số tiền là 91.780.000 (Chín mươi một triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng). Sau đó ông D, bà Th đóng đến ngày 06/02/2015 được 15 lần thì ông D, bà Th không đóng nữa cho đến nay. Ông D, bà Th còn nợ lại bà tổng số tiền hui là 64.000.000 (Sáu mươi bốn triệu đồng), do hui chết mãi ngày 06/6/2016 ông D, bà Th không đóng hui cho bà nên bà tính lãi từ ngày mãi hui là ngày 06/6/2016 đến ngày 06/6/2018 là 20 tháng $\times 1,6\%/tháng = 20.048.000$ (Hai mươi tám không trăm bốn mươi tám ngàn đồng). Tổng số tiền vốn và lãi tôi yêu cầu ông D, bà Th trả là 84.000.000 (Tám mươi bốn triệu đồng).

Đối với ông D, bà Th sau khi Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án, đã thông báo cho ông D, bà Th biết về việc bà Tr yêu cầu ông D, bà Th trả cho bà Tr số tiền hui và tiền lãi do không trả nợ hui, nhưng ông D, bà Th không có ý kiến gì. Tòa án đã hai lần thông báo cho ông D, bà Th tham gia hòa giải nhưng ông D, bà Th không đến và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của bà Tr. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C không tiến hành hòa giải đối với và Tr với ông D, bà Th được. Tòa án tiến hành triệu tập ông D, bà Th để xét xử hợp lệ đến lần thứ hai ông D, bà Th cũng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông D, bà Th theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn D, bà Lưu Thu Th đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không đến, theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D, bà Th.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn bà Lưu Thu Tr với bị đơn ông Lê Văn D, bà Lưu Thu Th là “Tranh chấp nợ hui” được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[3] Xét nội dung tranh chấp: Nguyên đơn có mở hui 4.000.000 đồng/tháng, hui gồm 31 chung, ông D và bà Th tham gia 01 chung. Ông D và bà Th đóng đến ngày 06/5/2014 thì ông D, bà Th hốt được số tiền là 91.780.000 đồng (Chín mươi một triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng), ông D nhận tiền hui từ bà Tr và ông D có làm biên nhận tiền ngày 10/5/2014. Sau đó ông D, bà Th đóng đến ngày 06/02/2015 được 15 lần thì ông D, bà Th không đóng nữa cho đến nay. Ông D, bà Th còn nợ lại bà Tr tổng số tiền hui là 64.000.000 (Sáu mươi bốn triệu đồng) là thực tế có xảy ra.

[4] Xét thấy dây hui do bà Tr làm đầu thảo đều có danh sách hui, ngày khai hui cũng như ngày hốt hui, bà Tr cung cấp danh sách hui là ngày 06/12/2013 thể hiện

ông D và bà Th hốt hụi nhưng không đóng lại tiền hụi chết nên đến ngày 10/5/2014 thì ông D có làm biên nhận tiền hụi đối với bà Tr. Theo danh sách hụi đến ngày 06/6/2018 mãn hụi thì ông D, bà Th còn thiếu số tiền hụi bà Tr là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng). Từ khi mãn hụi cho đến nay ông D, bà Th không đóng tiền hụi đã thiếu nên bà Tr yêu cầu ông D, bà Th phải có trách nhiệm trả số tiền hụi là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng) la có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên bà Tr yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng) từ ngày mãn hụi là ngày 06/6/2016al đến ngày 06/6/2018al là 20 tháng $\times 1,6\%/tháng = 20.048.000$ đồng. Đối với lãi suất 1,6%/tháng là cao so với mức lãi suất quy định của Nhà nước nên cần phải điều chỉnh lãi suất cho phù hợp pháp luật quy định. Tại phiên tòa, bà Tr yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, xét thấy yêu cầu của bà Tr là có căn cứ nên được chấp nhận. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Số tiền vốn 64.000.000 đồng $\times 0,75\%/tháng \times 20$ tháng = 9.600.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền ông D, bà Th phải trả cho bà Tr là 73.600.000 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lê Văn D, bà Lưu Thu Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 471 và 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thu Tr như sau:

Buộc ông Lê Văn D, bà Lưu Thu Th trả cho bà Lưu Thu Tr số tiền là 73.600.000 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lê Văn D, bà Lưu Thu Th phải chịu số tiền là 3.680.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Lưu Thu Tr số tiền là 2.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004239 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối ông D, bà Th được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Minh Tính